

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lưu Văn Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
Ông La Văn Út	Ủy viên
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Lưu Văn Thăng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông La Văn Út	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phát:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

12500  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VẬN TẢI XĂNG DẦU  
VITACO  
QUẬN 1 - TP. HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Chí Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Tùng  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1941-2013-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>224.488.316.333</b>	<b>264.922.857.978</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>71.142.610.690</b>	<b>73.892.390.210</b>
1. Tiền	111		24.142.610.690	50.892.390.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.000.000.000	23.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.968.461.502</b>	<b>136.184.560.433</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	77.677.526.451	113.154.470.138
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		969.422.088	2.691.007.213
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	7	21.586.865.144	20.480.354.273
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(265.352.181)	(141.271.191)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>52.876.506.012</b>	<b>53.557.936.738</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.985.931.254	53.667.361.980
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>500.738.129</b>	<b>1.287.970.597</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		500.738.129	354.796.255
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	933.174.342
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.735.478.603.208</b>	<b>1.843.881.272.301</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.685.561.000</b>	<b>1.690.561.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.685.561.000	1.690.561.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.722.340.357.629</b>	<b>1.819.059.067.477</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.695.315.386.409	1.791.421.091.761
- Nguyên giá	222		3.882.739.406.189	3.743.958.350.604
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.187.424.019.780)	(1.952.537.258.843)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	27.024.971.220	27.637.975.716
- Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.226.008.991)	(613.004.495)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>823.060.782</b>	<b>6.211.796.065</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	823.060.782	6.211.796.065
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.629.623.797</b>	<b>16.871.640.289</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	2.021.284.596
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	64.500.000.000	66.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	12	(53.870.376.203)	(51.649.644.307)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>48.207.470</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	48.207.470
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.959.966.919.541</b>	<b>2.108.804.130.279</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>873.170.640.985</b>		<b>1.059.955.502.399</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>429.327.048.485</b>		<b>464.014.143.349</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	26.311.127.424		69.108.667.261	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	36.440.683.778		265.490.386	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	18.021.679.924		8.322.313.225	
4. Phải trả người lao động	314		31.043.270.841		32.347.148.442	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.562.110.633		18.175.350.836	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.727.341.053		34.244.974.983	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	269.705.685.634		276.272.014.698	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	26.100.000.000		21.252.420.600	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.415.149.198		4.025.762.918	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>443.843.592.500</b>		<b>595.941.359.050</b>	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	443.843.592.500		595.941.359.050	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>1.086.796.278.556</b>		<b>1.048.848.627.880</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.086.796.278.556</b>		<b>1.048.848.627.880</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		798.666.660.000		798.666.660.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000		798.666.660.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)		(160.015.910)	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)		(11.635.553.757)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		245.090.870.947		233.165.170.548	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.834.317.276		28.812.366.999	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		54.834.317.276		28.812.366.999	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.959.966.919.541</b>		<b>2.108.804.130.279</b>	



Phan Nhân Tri  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.335.025.601.795	1.526.076.104.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	1.335.025.601.795	1.526.076.104.077
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.141.604.396.412	1.359.316.768.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		193.421.205.383	166.759.335.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.822.725.414	3.550.408.121
7. Chi phí tài chính	22	27	90.137.841.644	70.457.252.966
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.652.608.995	57.739.605.633
8. Lỗ trong công ty liên kết	24		-	(184.962.940)
9. Chi phí bán hàng	25	28	4.351.574.471	2.919.316.070
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	48.948.192.771	38.760.283.799
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		52.806.321.911	57.987.927.804
12. Thu nhập khác	31	29	21.097.788.180	10.336.701.179
13. Chi phí khác	32	29	1.395.493.763	934.811.792
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	19.702.294.417	9.401.889.387
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		72.508.616.328	67.389.817.191
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	17.674.299.052	14.597.450.392
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	320.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		54.834.317.276	52.472.366.799
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Mẹ	61		54.834.317.276	52.472.366.799
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	695	551

Phan Nhân Tri  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	72.508.616.328	67.389.817.191
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	280.719.736.092	261.949.422.298
Các khoản dự phòng	03	35.232.329.794	10.534.303.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	35.285.927.379	11.125.609.530
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(21.089.568.253)	(8.087.480.739)
Chi phí lãi vay	06	44.652.608.995	57.739.605.633
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	320.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	447.309.650.335	400.971.277.203
Thay đổi các khoản phải thu	09	37.009.657.599	8.522.025.810
Thay đổi hàng tồn kho	10	681.430.726	(1.929.636.930)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.852.715.796)	651.055.801
Thay đổi chi phí trả trước	12	(97.734.404)	(2.990.513.321)
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.267.809.419)	(60.487.580.017)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.736.873.414)	(18.113.650.772)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.786.426.000)	(7.825.519.550)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>378.264.179.627</b>	<b>318.797.458.224</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(184.429.208.499)	(165.150.235.536)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	19.926.002.094	7.323.735.686
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.199.500.000	1.399.078.293
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	928.582.288	2.417.886.942
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(156.375.124.117)</b>	<b>(154.009.534.615)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	122.557.050.000	112.243.590.800
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(316.368.089.049)	(265.569.917.939)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.989.115.775)	(24.050.989.225)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(224.800.154.824)</b>	<b>(177.377.316.364)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.911.099.314)</b>	<b>(12.589.392.755)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.092.390.210</b>	<b>86.422.064.243</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	161.319.794	59.718.722
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>78.842.290.690</b>	<b>73.892.390.210</b>



Phan Nhân Tri  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 29 tháng 9 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 798.666.660.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex góp 52%, còn lại là các cổ đông khác.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco đặt tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Địa điểm kinh doanh của Công ty đặt tại tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 505 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 506 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển; kinh doanh nhà ở, đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải đường biển; dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển, cho thuê thuyền viên, môi giới hàng hải, lai dắt tàu biển; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (Công ty mẹ) có hai công ty con. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại các công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ
1. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác, đầu tư dài hạn khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 26.818.946.595 đồng, với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất tại thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng với thời hạn sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao.

##### Các khoản đầu tư tài chính

###### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm hoạt động tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

##### Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm, Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm tra thuế năm 2012 của Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo này, cơ quan thuế chưa ban hành kết luận kiểm tra về số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm (nếu có) liên quan tới việc xác định lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 của Công ty.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.041.599.535	820.468.432
Tiền gửi ngân hàng	23.101.011.155	50.071.921.778
Các khoản tương đương tiền (i)	47.000.000.000	23.000.000.000
	<b>71.142.610.690</b>	<b>73.892.390.210</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex	65.165.068.627	61.396.813.795
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	7.943.374.040	23.795.282.965
Phải thu ngắn hạn từ các khách hàng khác	4.569.083.784	27.962.373.378
	<b>77.677.526.451</b>	<b>113.154.470.138</b>
<b>b) Các khoản phải thu từ các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 34)	<b>74.002.281.113</b>	<b>85.990.525.730</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Các khoản chi hộ	15.354.493.704	17.044.198.833
Tạm ứng cho người lao động	2.250.007.307	2.326.736.201
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.982.364.133	1.109.419.239
	<b>21.586.865.144</b>	<b>20.480.354.273</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.685.561.000	1.690.561.000
	<b>1.685.561.000</b>	<b>1.690.561.000</b>
<b>c) Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 34)	<b>14.564.538.477</b>	<b>15.743.188.607</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.412.977.020	-	2.627.425.804	-
Nguyên liệu, vật liệu	50.867.043.520	(109.425.242)	50.678.529.754	(109.425.242)
Công cụ, dụng cụ	430.562.193	-	361.406.422	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	275.348.521	-	-	-
	<b>52.985.931.254</b>	<b>(109.425.242)</b>	<b>53.667.361.980</b>	<b>(109.425.242)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	6.631.671.465	418.919.147	3.736.251.636.288	656.123.704	3.743.958.350.604
Tăng trong năm	-	-	183.868.226.244	132.800.000	184.001.026.244
Thanh lý	-	-	45.219.970.659	-	45.219.970.659
Tại ngày 31/12/2015	<u>6.631.671.465</u>	<u>418.919.147</u>	<u>3.874.899.891.873</u>	<u>788.923.704</u>	<u>3.882.739.406.189</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	3.172.909.569	418.919.147	1.948.317.136.725	628.293.402	1.952.537.258.843
Khấu hao trong năm	312.730.608	-	279.779.875.735	14.125.253	280.106.731.596
Thanh lý	-	-	45.219.970.659	-	45.219.970.659
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.485.640.177</u>	<u>418.919.147</u>	<u>2.182.877.041.801</u>	<u>642.418.655</u>	<u>2.187.424.019.780</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.146.031.288</u>	<u>-</u>	<u>1.692.022.850.072</u>	<u>146.505.049</u>	<u>1.695.315.386.409</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>3.458.761.896</u>	<u>-</u>	<u>1.787.934.499.563</u>	<u>27.830.302</u>	<u>1.791.421.091.761</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.544.540.642.518 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.589.480.166.124 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2015 là 37.228.819.955 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 82.012.003.887 đồng).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	28.250.980.211
Tại ngày 31/12/2015	<u>28.250.980.211</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	613.004.495
Khấu hao trong năm	613.004.496
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.226.008.991</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	<u>27.024.971.220</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>27.637.975.716</u>

Tài sản cố định vô hình phản ánh quyền sử dụng đất tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 26.818.946.595 đồng với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng.

**11. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Xây dựng cơ bản	823.060.782	518.272.727
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	5.693.523.338
	<u>823.060.782</u>	<u>6.211.796.065</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh số tiền Công ty mua cổ phần của các công ty sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Công ty Cổ phần An Phú	53.500.000.000	53.500.000.000
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Mỹ Giang	5.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	-	7.000.000.000
	<u>64.500.000.000</u>	<u>66.500.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	(53.870.376.203)	(51.649.644.307)
	<u>(53.870.376.203)</u>	<u>(51.649.644.307)</u>

(i) Bao gồm giá trị dự phòng trích lập cho các loại cổ phiếu sau:

- Dự phòng giảm giá 625.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú với số tiền 51.500.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 51.500.000.000 đồng). Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào giá giao dịch trung bình cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số tiền 166.778.572 đồng. Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào tỷ lệ góp vốn thực tế và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang với số tiền 2.203.597.631 đồng. Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào tỷ lệ góp vốn thực tế và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Vietsea PTE	13.424.573.581	8.454.975.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	2.834.749.411	28.191.539.405
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai	2.495.557.922	11.475.479.620
Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex - CN Hóa dầu SG	2.498.281.060	2.237.271.983
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.112.100.000	5.908.102.651
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	3.945.865.450	12.841.298.602
	<u>26.311.127.424</u>	<u>69.108.667.261</u>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 34)	<u>9.236.231.093</u>	<u>51.571.454.913</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	36.363.636.364	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	77.047.414	265.490.386
	<u>36.440.683.778</u>	<u>265.490.386</u>
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 34)	<u>36.363.636.364</u>	-

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cân trừ</u>	<u>Số phải nộp/thu</u>	<u>Số đã nộp/thu</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu					
Thuế thu nhập cá nhân	933.174.342	933.174.342	-	-	-
b) Phải trả					
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	3.280.710.718	-	64.842.989.307	59.417.549.591	8.706.150.434
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	1.975.217.301	1.975.217.301	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.050.827.564	1.050.827.564	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.563.230.934	-	17.674.299.052	13.736.873.414	8.500.656.572
Thuế thu nhập cá nhân	704.000	933.174.342	4.012.973.262	2.297.424.227	783.078.693
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	10.000.000	-
Thuế khác	477.667.573	-	639.511.661	1.085.385.009	31.794.225
Các khoản phải nộp khác	-	-	32.803.102	32.803.102	-
	<u>8.322.313.225</u>	<u>933.174.342</u>	<u>90.238.621.249</u>	<u>79.606.080.208</u>	<u>18.021.679.924</u>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Dự trả chi phí lãi vay	3.313.995.567	13.003.505.820
Dự trả cảng phí	1.412.624.852	3.521.091.000
Dự trả chi phí thuê tàu Vietsea	2.550.954.356	-
Chi phí phải trả khác	1.284.535.858	1.650.754.016
	<u>8.562.110.633</u>	<u>18.175.350.836</u>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	652.094.175	23.754.543.350
Phải trả về hoạt động đại lý hàng hải	1.144.097.765	405.428.504
Phải trả khác Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	1.150.572.660	128.177.359
Kinh phí công đoàn	1.160.366.449	944.647.136
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco	761.299.450	734.292.108
Các khoản khác	5.858.910.554	8.277.886.526
	<u>10.727.341.053</u>	<u>34.244.974.983</u>
b) Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 34)	<u>2.044.916.078</u>	<u>13.302.034.567</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Chi tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm			31/12/2015
		Giải ngân	Chính lịch tỷ giá	Trả gốc vay	
Gia trị/có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Gia trị/có khả năng trả nợ	
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng số 0007/TD1/06CN (i)	220.203.937.500	-	6.792.975.000	92.095.012.500	134.901.900.000
<b>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</b>					
Hợp đồng số 20/2008/Vitaco-HETD (ii)	288.967.500.000	-	10.178.000.000	96.275.500.000	302.860.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính</b>					
Hợp đồng số 01/2008/Vitaco.VCB-HETD (ii-a)	104.137.711.657	-	2.676.027.523	53.670.426.090	53.143.313.090
Hợp đồng số 02/2008/Vitaco.VCB-HETD (ii-b)	152.658.319.500	-	3.306.384.236	52.101.085.736	105.863.618.000
<b>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long</b>					
Hợp đồng số 214/2014/HDDTD/ĐH-PN/SHB.10600 (iv)	106.245.905.091	-	3.167.937.176	14.451.527.223	96.962.315.044
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Sài Gòn</b>					
Hợp đồng số 93.15.110.322993.TD (v)	-	122.557.050.000	3.075.619.500	7.814.537.500	119.818.132.000
	<b>872.213.373.748</b>	<b>122.557.050.000</b>	<b>35.146.943.435</b>	<b>316.568.089.049</b>	<b>713.549.278.134</b>
<b>Trung dài:</b>					
Số phải trả trong vòng 12 tháng	276.272.014.688				268.705.683.634
Số phải trả sau 12 tháng	395.941.359.050				443.843.592.500

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm những khoản vay sau:

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0007/TD1/06CN ngày 22 tháng 11 năm 2006. Số tiền vay tối đa là 39.900.000 USD, dùng để thanh toán 80% tiền mua tàu Petrolimex 09. Thời hạn vay 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2013, lãi suất được quy định là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 5.985.000 USD, tương đương 134.901.900.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.287.500 USD, tương đương 220.203.937.500 đồng).

Ngày 11 tháng 5 năm 2009, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi lãi suất với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex để phòng ngừa rủi ro lãi suất cho Hợp đồng tín dụng số 0007/TD1/06CN. Theo đó, thay vì phải trả lãi theo lãi suất biến đổi, Công ty sẽ trả lãi với mức lãi suất cố định cho hợp đồng nêu trên. Hợp đồng này đã được thanh lý tại ngày 06 tháng 02 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) làm đầu mối theo Hợp đồng số 20/2008/Vitaco-HĐTĐ ngày 22 tháng 4 năm 2008. Số tiền vay tối đa là 30.000.000 USD, dùng để đầu tư cho dự án mua tàu Petrolimex 11. Thời hạn vay là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất được quy định theo Phụ lục số 20/2008/VITACO-HĐTĐ/PL05 ngày 20 tháng 6 năm 2012, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 (ba) tháng/lần, và bằng lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của PGBank và BIDV-SDG1 cộng (+) biên độ 3,2%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PVFC (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - PV Combank) tại ngày xác định lãi suất. Trong đó, lãi suất cho vay tối thiểu của PVFC là lãi suất sử dụng vốn tối thiểu do Tổng Giám đốc PVFC phê duyệt/ban hành tại từng thời kỳ và được PVFC thông báo cho ngân hàng đầu mối tại ngày xác định lãi suất. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 9.000.000 USD, tương đương 202.860.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.500.000 USD, tương đương 288.967.500.000 đồng).
- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính bao gồm 02 hợp đồng vay:
- a) Hợp đồng số 01/2008/Vitaco.VCB-HĐTĐ ngày 18 tháng 6 năm 2008 với tổng số tiền vay là 15.000.000 USD và 137.374.760.675 đồng tương đương với 7.400.000 USD. Theo Phụ lục số 01/2008/VITACO.VCB-HĐTĐ ngày 09 tháng 9 năm 2008, khoản nợ vay bằng VND đã được chuyển đổi thành khoản nợ vay USD là 8.288.070 USD. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 12 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 04/2014/Vitaco.VCB-HĐTĐ ngày 20 tháng 8 năm 2014, lãi suất được quy định là LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2,5%/năm, tuy nhiên mức lãi suất sàn áp dụng không thấp hơn 8,0%/năm. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 12 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án.
- Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 2.357.733,5 USD, tương đương 53.143.313.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.865.111,50 USD, tương đương 104.137.711.657 đồng).
- b) Hợp đồng số 02/2008/Vitaco.VCB-HĐTĐ ngày 25 tháng 8 năm 2008 với tổng số tiền cho vay là 22.500.000 USD, nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 14 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất được quy định là lãi suất huy động tiết kiệm bằng USD kỳ hạn 12 tháng của cá nhân trả lãi sau mà Số giao dịch Ngân hàng Ngoại thương công bố vào ngày xác định lãi suất cộng với lãi suất biên 2,9% và không thấp hơn lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 14 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án.
- Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 4.696.700 USD, tương đương 105.863.618.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.131.900 USD, tương đương 152.658.319.500 đồng).
- Tổng số dư nợ gốc vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 159.006.931.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 256.796.031.157 đồng).
- (iv) Khoản vay dài hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng vay vốn dài hạn số 214/2014/HDTĐTDH-PN/SHB.10600 ngày 11 tháng 7 năm 2014 với số tiền 5.294.509 USD. Mục đích vay để đầu tư dự án mua tàu dầu Crane Bright trọng tải 6.788 tấn (Tàu Nhà Bè 06). Kỳ hạn thanh toán là 96 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014. Lãi suất vay trong hạn 4,5%/năm, áp dụng đối với khoản giải ngân trong 5 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân. Mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 13 tháng trả sau của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi SHB tại thời điểm điều chỉnh. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Nhà Bè 06, quyền lợi bảo hiểm con tàu cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 4.301.788 USD (tương đương 96.962.315.044 đồng) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.963.602,20 USD, tương đương 106.245.905.091 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Theo thỏa thuận ba bên về nghĩa vụ vay và trả nợ vay số 01/2014/VITACO\_VITACO MTV\_SHBTL ngày 07 tháng 11 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long, các bên thống nhất chuyển giao nghĩa vụ vay và trả nợ vay từ Công ty sang cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco.

- (v) Khoản vay dài hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 93.15.110.322993.TD ngày 20 tháng 4 năm 2015 với số tiền 5.670.000 USD. Mục đích vay để đầu tư dự án mua tàu dầu Bidadari trọng tải 6.678,44 tấn (Tàu Nhà Bè 08). Kỳ hạn thanh toán là 96 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng vào cuối kỳ. Lãi suất được quy định là lãi suất buy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng loại trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 4%/năm. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Nhà Bè 08. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Nhà Bè 08, quyền lợi bảo hiểm con tàu cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dự nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 5.315.800 USD, tương đương 119.818.132.000 đồng.

Theo thỏa thuận ba bên số 538.15.110.322993-2294812.TT giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco ngày 20 tháng 7 năm 2015 về việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cấp tín dụng nói trên; và thỏa thuận nhận nợ số 178.15.110.2294812.TD giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn được ký cùng ngày, khoản vay nói trên đã được chính thức chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco kể từ ngày ký các thỏa thuận này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	269.705.685.634	276.272.014.698
Trong năm thứ hai	187.402.374.544	273.068.874.175
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	194.083.843.632	287.457.180.324
Sau năm năm	62.357.374.324	35.415.304.551
	<b>713.549.278.134</b>	<b>872.213.373.748</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	269.705.685.634	276.272.014.698
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>443.843.592.500</b>	<b>595.941.359.050</b>

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Chi tiết biến động dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm:

	Dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ	Tổng cộng
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	21.252.420.600	21.252.420.600
Trích lập bổ sung trong năm	35.866.232.312	35.866.232.312
Các khoản dự phòng đã sử dụng	31.018.652.912	31.018.652.912
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>26.100.000.000</b>	<b>26.100.000.000</b>

Căn cứ theo Công văn số 7499/BTC-CĐKT ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính trả lời Công ty về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển theo chu kỳ lên đà sửa chữa 2 năm/lần. Số dư trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định bằng 1/2 chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đối với các tàu phải lên đà sửa chữa trong năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	219.364.503.449	45.875.974.899	1.052.111.568.681
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	52.472.366.799	52.472.366.799
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(47.319.999.600)	(47.319.999.600)
Trích các quỹ	-	-	-	13.800.667.099	(22.215.975.099)	(8.415.308.000)
Tại ngày 01/01/2015	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	28.812.366.999	1.048.848.627.880
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	54.834.317.276	54.834.317.276
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(7.886.666.600)	(7.886.666.600)
Trích các quỹ (i)	-	-	-	11.925.700.399	(20.925.700.399)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	54.834.317.276	1.086.796.278.556

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thực hiện chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ là 1% tương ứng với số tiền là 7.886.666.600 đồng; đồng thời thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền lần lượt là 11.925.700.399 đồng và 9.000.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	414.652.170.000	51,92%	414.652.170.000	414.652.170.000
Các cổ đông khác	384.014.490.000	48,08%	384.014.490.000	384.014.490.000
	<b>798.666.660.000</b>	<b>100%</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>798.666.660.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	79.866.666
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	78.866.666
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2014
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
Dầu DO	Kg	467.658	321.180
Dầu FO	Kg	3.215.919	2.826.097
2. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	123.955	197.721

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh vận tải, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh vận tải	: Vận tải xăng dầu
Bộ phận kinh doanh thương mại	: Mua bán xăng dầu
Bộ phận khác	: Các hoạt động khác của Công ty

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<u>Vận tải</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh ra bên ngoài	947.133.627.332	357.696.580.201	30.195.394.262	1.335.025.601.795
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh cho các bộ phận khác (nội bộ)	-	197.712.060	4.564.688.980	4.762.401.040
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>947.133.627.332</b>	<b>357.894.292.261</b>	<b>34.760.083.242</b>	<b>1.339.788.002.835</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận gộp kinh doanh bộ phận	173.200.916.325	10.616.976.357	9.603.312.701	193.421.205.383
Chi phí phân bổ	41.843.748.109	5.728.317.682	5.727.701.451	53.299.767.242
Chi phí không phân bổ				-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>140.121.438.141</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				2.822.725.414
Chi phí tài chính				90.137.841.644
Lợi nhuận từ hoạt động khác				19.702.294.417
Lỗ trong công ty liên kết				-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>72.508.616.328</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				17.674.299.052
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>54.834.317.276</b>
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				-

Kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>Vận tải</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh ra bên ngoài	851.852.383.527	644.925.778.229	29.297.942.321	1.526.076.104.077
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh cho các bộ phận khác (nội bộ)	-	-	3.253.403.776	3.253.403.776
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>851.852.383.527</b>	<b>644.925.778.229</b>	<b>32.551.346.097</b>	<b>1.529.329.507.853</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận gộp kinh doanh bộ phận	147.408.901.355	8.770.791.930	10.579.642.173	166.759.335.458
Chi phí phân bổ	32.646.034.348	4.021.434.684	5.012.130.837	41.679.599.869
Chi phí không phân bổ				-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>125.079.735.589</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				3.550.408.121
Chi phí tài chính				70.457.252.966
Lợi nhuận từ hoạt động khác				9.401.889.387
Lỗ trong công ty liên kết				(184.962.940)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>67.389.817.191</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				14.917.450.392
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>52.472.366.799</b>
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty như sau:

	Vận tải VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	1.812.847.703.998	6.858.661.842	30.435.200.651	1.850.141.566.491
Tài sản không phân bổ	-	-	-	109.825.353.050
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>				<b>1.959.966.919.541</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	836.323.806.026	5.301.271.283	8.032.079.810	849.657.157.119
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	23.513.483.866
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>				<b>873.170.640.985</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

	Vận tải VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	1.913.581.563.349	41.311.865.880	28.693.640.121	1.983.587.069.350
Tài sản không phân bổ	-	-	-	125.217.060.929
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>				<b>2.108.804.130.279</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	966.768.337.421	47.261.468.343	9.944.985.489	1.023.974.791.253
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	35.980.711.146
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>				<b>1.059.955.502.399</b>

Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và viễn dương. Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	2015 VND	2014 VND
Nội địa	1.335.025.601.795	1.526.076.104.077
Viễn dương	-	-

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	2015 VND	2014 VND
Nội địa	1.722.340.357.629	1.819.059.067.477	184.001.026.244	164.752.990.082
Viễn dương	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.335.025.601.795</b>	<b>1.526.076.104.077</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu vận tải	947.133.627.332	851.852.383.527
Doanh thu bán hàng hóa	357.696.580.201	644.925.778.229
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	30.195.394.262	29.297.942.321
	<u>1.335.025.601.795</u>	<u>1.526.076.104.077</u>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 34)	<b>1.077.480.039.547</b>	<b>955.790.915.377</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ vận tải	773.932.711.007	702.762.381.288
Giá vốn của hàng hóa đã bán	347.079.603.844	636.154.986.299
Giá vốn của dịch vụ và giá vốn khác	20.592.081.561	20.399.401.032
	<u>1.141.604.396.412</u>	<u>1.359.316.768.619</u>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.548.338.433	114.124.983.792
Chi phí nhân công	118.667.867.292	114.886.000.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	280.719.736.092	261.949.422.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.725.877.551	216.415.644.247
Chi phí khác	89.438.088.963	57.465.331.174
	<u>848.099.908.331</u>	<u>764.841.382.189</u>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	964.066.159	2.180.315.242
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.000.000	237.571.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.658.115.005	1.131.641.179
Doanh thu tài chính khác	544.250	880.000
	<u>2.822.725.414</u>	<u>3.550.408.121</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	44.652.608.995	57.739.605.633
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.231.959.571	13.039.481.726
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(757.983.508)	(1.799.904.563)
Chi phí tài chính khác	11.256.586	1.478.070.170
	<b>90.137.841.644</b>	<b>70.457.252.966</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	22.175.482.977	20.697.765.578
Chi phí thuê văn phòng	4.155.208.727	1.026.752.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.837.237.509	1.674.540.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.602.233.795	4.441.496.056
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.178.029.763	10.919.728.644
	<b>48.948.192.771</b>	<b>38.760.283.799</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	3.204.173.262	2.610.220.875
Chi phí bán hàng khác	1.147.401.209	309.095.195
	<b>4.351.574.471</b>	<b>2.919.316.070</b>

**29. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	19.926.002.094	7.323.735.686
Các khoản thu nhập khác	1.171.786.086	3.012.965.493
<b>Thu nhập khác</b>	<b>21.097.788.180</b>	<b>10.336.701.179</b>
Các khoản chi phí khác	1.395.493.763	934.811.792
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.395.493.763</b>	<b>934.811.792</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>19.702.294.417</b>	<b>9.401.889.387</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco	10.592.008.694	10.910.805.211
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	6.436.009.578	3.013.160.884
Công ty TNHH Vitaco Đà Nẵng	646.280.780	673.484.297
	<b>17.674.299.052</b>	<b>14.597.450.392</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được trình bày lại theo các hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 sẽ được trình bày lại khi có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông về trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.834.317.276	52.472.366.799
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	54.834.317.276	52.472.366.799
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	9.000.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	54.834.317.276	43.472.366.799
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	78.866.666	78.866.666
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>695</b>	<b>551</b>

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.155.208.727	1.026.752.727

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.812.957.818	4.155.208.727
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	3.812.957.818
	<b>3.812.957.818</b>	<b>7.968.166.545</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 628 m2 lầu 8 và lầu 9, tòa nhà Viet Dragon tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 02 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

- Tổng số tiền thuê 229 m2 lầu 6, tòa nhà Master Building tại số 155 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 đến ngày 30 tháng 8 năm 2016.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	713.549.278.134	872.213.373.748
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	71.142.610.690	73.892.390.210
Nợ thuần	642.406.667.444	798.320.983.538
Vốn chủ sở hữu	1.086.796.278.556	1.048.848.627.880
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,59</b>	<b>0,76</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.142.610.690	73.892.390.210
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu khác	97.338.057.199	132.307.540.114
Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	9.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>170.480.667.889</b>	<b>215.199.930.324</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	713.549.278.134	872.213.373.748
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	34.727.234.971	100.703.377.952
Chi phí phải trả	8.562.110.633	18.175.350.836
<b>Tổng cộng</b>	<b>756.838.623.738</b>	<b>991.092.102.536</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.846.684.104	31.610.157.539	735.812.472.058	923.340.899.156
Đô la Singapore (SGD)	-	-	226.975.295	1.007.510.031

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(36.398.289.398)	(44.586.537.081)
Đô la Singapore (SGD)	(11.348.765)	(50.375.502)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm bị ảnh hưởng như sau:

	Tăng/Giảm số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+200	(8.876.871.850)
VND	-200	8.876.871.850
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(11.918.827.181)
VND	-200	11.918.827.181

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG ĐÀU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ Công ty mẹ và các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
31/12/2015	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.142.610.690	-	71.142.610.690
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu khác	95.652.496.199	1.685.561.000	97.338.057.199
Đầu tư dài hạn khác	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>166.795.106.889</b>	<b>3.685.561.000</b>	<b>170.480.667.889</b>
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	34.727.234.971	-	34.727.234.971
Chi phí phải trả	8.562.110.633	-	8.562.110.633
Các khoản vay	269.705.685.634	443.843.592.500	713.549.278.134
<b>Tổng cộng</b>	<b>312.995.031.238</b>	<b>443.843.592.500</b>	<b>756.838.623.738</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(146.199.924.349)</b>	<b>(440.158.031.500)</b>	<b>(586.357.955.849)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.892.390.210	-	73.892.390.210
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu khác	130.616.979.114	1.690.561.000	132.307.540.114
Đầu tư dài hạn khác	-	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>204.509.369.324</b>	<b>10.690.561.000</b>	<b>215.199.930.324</b>
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	100.703.377.952	-	100.703.377.952
Chi phí phải trả	18.175.350.836	-	18.175.350.836
Các khoản vay	276.272.014.698	595.941.359.050	872.213.373.748
<b>Tổng cộng</b>	<b>395.150.743.486</b>	<b>595.941.359.050</b>	<b>991.092.102.536</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(190.641.374.162)</b>	<b>(585.250.798.050)</b>	<b>(775.892.172.212)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính, tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ toàn Tập đoàn
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Công ty mẹ của Công ty
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2015 VND	2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	385.108.757.470	314.388.508.685
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	685.002.365.473	635.462.760.545
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	19.916.925	1.207.186.500
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực 2	1.669.536.257	1.862.259.003
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	197.908.833	233.491.574
Công ty CP Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	5.481.554.589	2.636.709.070
	<b>1.077.480.039.547</b>	<b>955.790.915.377</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2015	2014
	VND	VND
<b>Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	116.662.217	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 2	271.858.714.248	553.751.890.988
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Định	10.333.022.756	19.462.193.351
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.869.312.602	543.962.214
Công ty Xăng dầu B12	164.945.460	2.629.971.749
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai	45.632.507.020	78.696.369.930
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	3.257.487.401	4.373.105.774
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn	14.913.269.700	17.168.747.482
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	60.077.588.280	32.011.231.257
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 5	7.583.076.867	13.253.683.048
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nghệ An	3.387.839.730	3.453.935.864
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	444.163.250	402.398.034
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	127.897.455	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và TM Petrolimex	312.850.371	316.523.575
Công ty bảo hiểm PJICO Sài Gòn	20.002.116.730	17.846.546.989
Công ty bảo hiểm PJICO Hải Phòng	1.696.494.438	1.146.711.206
Tổng Công ty Bảo hiểm Petrolimex	124.649.876	-
Tổng Công ty Vận Tải thủy Petrolimex	424.428.646	1.542.966.937
	<b>442.327.027.047</b>	<b>746.600.238.398</b>

*Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	7.943.374.040	23.795.282.965
Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex	65.165.068.627	61.396.813.795
Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex	621.113.024	551.588.239
Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng	217.699.718	246.840.731
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	55.025.704	-
	<b>74.002.281.113</b>	<b>85.990.525.730</b>
	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex	12.121.099.792	14.075.469.542
Công ty CP VTXD Đường Thủy Petrolimex	2.064.911.528	1.338.284.551
Công ty CP VT & DV Petrolimex Hải Phòng	367.502.157	305.910.714
Công ty CP VTXD VIPCO	11.025.000	23.523.800
	<b>14.564.538.477</b>	<b>15.743.188.607</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex	-	1.359.073.028
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	2.834.749.411	28.191.539.405
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Định	-	818.071.760
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai	2.495.557.922	11.475.479.620
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.112.100.000	5.908.102.651
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	202.008.200	130.059.018
XN Bán lẻ - XD KV 2	22.081.000	-
Công ty TNHH MTV Đông tàu và Thương mại Petrolimex	-	771.302.983
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	621.909.304
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	71.453.500	58.645.161
Cty CP Hóa dầu Petrolimex- CN Hóa dầu SG	2.498.281.060	2.237.271.983
	<u>9.236.231.093</u>	<u>51.571.454.913</u>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	36.363.636.364	-
	<u>36.363.636.364</u>	<u>-</u>
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex	1.150.572.660	12.567.742.459
Công ty TNHH MTV Thuyền Viên VIPCO	761.299.450	734.292.108
Tổng kho Xăng Dầu Nhà Bè	133.043.968	-
	<u>2.044.916.078</u>	<u>13.302.034.567</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	
<b>A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
<b>I. Tài sản</b>						
1. Phải thu khách hàng	131	121.031.694.954	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	113.154.470.138	Phân loại lại và đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	2.691.007.213	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.691.007.213	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	10.272.393.256	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	20.480.354.273	Phân loại lại và đổi tên
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.330.736.201	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	1.690.561.000	Phân loại lại
6. Đầu tư vào công ty liên kết	252	2.021.284.596	6. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2.021.284.596	Đổi tên
7. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(51.649.644.307)	7. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(51.649.644.307)	Đổi tên
8. Tài sản dài hạn khác	268	1.690.561.000	8. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
<b>II. Nguồn vốn</b>						
1. Phải trả người bán	312	75.152.171.742	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	69.108.667.261	Phân loại lại và đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	636.410.101	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	265.490.386	Phân loại lại và đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	39.427.771.436	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.175.350.836	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	27.830.550.787	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	34.244.974.983	Phân loại lại và đổi tên
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	276.272.014.698	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	276.272.014.698	Đổi tên
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21.252.420.600	Phân loại lại
7. Vay và nợ dài hạn	334	595.941.359.050	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	595.941.359.050	Đổi tên
8. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	798.666.660.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	798.666.660.000	Đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			9. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	798.666.660.000	Phân loại lại và đổi tên
9. Quỹ đầu tư phát triển	417	206.604.956.661	10. Quỹ đầu tư phát triển	418	233.165.170.548	Phân loại lại
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	26.560.213.887	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	28.812.366.999	Phân loại lại và đổi tên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (VND)	
<b>C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>						
1. Các khoản dự phòng	03	(1.740.927.558)	1. Các khoản dự phòng	03	10.534.303.290	Phân loại lại
2. Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11.125.609.530	2. Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.125.609.530	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			3. Các khoản điều chỉnh khác	07	320.000.000	Phân loại lại
3. Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.926.286.649	4. Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	651.055.801	Phân loại lại và đổi tên
4. Thay đổi các khoản phải thu	09	7.116.652.128	5. Thay đổi các khoản phải thu	09	8.522.025.810	Phân loại lại
5. Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.265.139.639)	6. Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.990.513.321)	Phân loại lại và đổi tên



Phan Nhân Tri  
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Trọng Nghĩa  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
 Tổng Giám đốc